

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng An toàn và Bảo hộ lao động
Tháng 5 năm 2022

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương CN		Lương phép		Lương 100%		Giờ PN	PC trách nhiệm	Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương				BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Thuế TNCN 2021	Phí ở chung cư			
1	01	Tổ quản lý			148		89.433.745	11	5.937.000			16	6.483.037		480.000	102.333.783	5.092.700	955.100	636.900	892.200	330.000	30.000	30.000		7.966.900	94.366.883	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	11.446.000	25	A	17.198.609	2	1.230.000			3	1.320.692			19.749.301	915.700	171.700	114.500	149.000	55.000				1.405.900	18.343.401	
2	HL-00247	Hoàng Thanh	Phó phòng	10.483.000	26	A	14.489.381	2	1.046.000			1	403.192			15.938.573	838.700	157.300	104.900	148.400	55.000				1.304.300	14.634.273	
3	HL-00636	Lê Cảnh Thắng	Phó phòng	10.483.000	26	A	14.489.381	2	1.046.000			1	403.192			15.938.573	838.700	157.300	104.900	148.400	55.000				1.304.300	14.634.273	
4	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	10.483.000	20	A	14.277.613	2	1.046.000			7	2.822.346			18.145.959	838.700	157.300	104.900	149.000	55.000				1.304.900	16.841.059	
5	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	10.483.000	26	A	14.489.381	2	1.046.000			1	403.192			15.938.573	838.700	157.300	104.900	148.400	55.000				1.304.300	14.634.273	
6	HL-00877	Đậu Anh Tú	Phó phòng	9.797.000	25	A	14.489.381	1	523.000			3	1.130.423		480.000	16.622.804	822.200	154.200	102.800	149.000	55.000	30.000	30.000		1.343.200	15.279.604	
2	08	Tổ chuyên viên			74		28.963.599	4	1.352.000			4	951.384	67.139		31.334.123	1.484.400	278.400	185.700	293.900	220.000				2.462.400	28.871.723	
7	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	6.184.000	26	A	11.862.628	3	1.014.000			1	237.846			13.114.474	494.800	92.800	61.900	124.600	55.000				829.100	12.285.374	
8	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	6.184.000	22	A	7.791.055	1	338.000			1	237.846			8.366.901	494.800	92.800	61.900	77.200	55.000				781.700	7.585.201	
9	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	6.184.000		A						1	237.846			237.846				2.400	55.000				57.400	180.446	
10	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	6.184.000	26	A	9.309.917					1	237.846	67.139		9.614.902	494.800	92.800	61.900	89.700	55.000				794.200	8.820.702	
3	10	Tổ giám sát an toàn			221		90.207.206	25	9.062.000	5	1.078.654	17	3.736.231			104.084.092	4.182.300	784.500	523.000	986.000	495.000	60.000	105.000	1.101.000	8.236.800	95.847.292	
11	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	9.885.523	4	1.352.000			1	237.846			11.475.369	494.800	92.800	61.900	108.300	55.000			255.000	1.067.800	10.407.569	
12	HL-05671	Nguyễn Văn Huy	Giám sát AT HL	5.609.000	18	A	7.322.891	3	1.014.000			9	1.941.577			10.278.468	448.800	84.200	56.100	96.900	55.000	30.000			771.000	9.507.468	
13	HL-01392	Đỗ Văn Hường	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	11.862.628	2	812.000			1	237.846			12.912.474	494.800	92.800	61.900	122.600	55.000				827.100	12.085.374	
14	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	11.862.628	3	1.218.000			1	237.846			13.318.474	494.800	92.800	61.900	126.700	55.000		45.000	282.000	1.158.200	12.160.274	
15	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.609.000	21	A	8.383.684	4	1.624.000	5	1.078.654	1	215.731			11.302.069	448.800	84.200	56.100	107.100	55.000		60.000		811.200	10.490.869	
16	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	9.885.523	3	1.014.000			1	215.731			11.115.254	448.800	84.200	56.100	105.300	55.000				749.400	10.365.854	
17	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	6.184.000	26	A	9.885.523	3	1.014.000			1	237.846			11.137.369	494.800	92.800	61.900	104.900	55.000			282.000	1.091.400	10.045.969	
18	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	5.098.000	26	A	11.233.284					1	196.077			11.429.361	407.900	76.500	51.000	108.900	55.000			282.000	981.300	10.448.061	
19	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	5.609.000	26	A	9.885.523	3	1.014.000			1	215.731			11.115.254	448.800	84.200	56.100	105.300	55.000	30.000			779.400	10.335.854	
Tổng cộng					443		208.604.550	40	16.351.000	5	1.078.654	37	11.170.652	67.139	480.000	237.751.998	10.759.400	2.018.000	1.345.600	2.172.100	1.045.000	90.000	135.000	1.101.000	18.666.100	219.085.898	

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 6 năm 2022
P.GIÁM ĐỐC

LẬP BIỂU

PHÒNG TCNS

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Mã Thành Trung

Nguyễn Văn Thòa

Đặng Thanh Lam

Phạm Văn Hùng